TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2021/QĐST- HNGĐ	*Tuy An, ngày 15 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Xuân L** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn U, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn X** - sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn U, xã D, huyện A, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Xuân L và anh Nguyễn X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: chị Trần Thị Xuân L và anh Nguyễn X thống nhất có 04 con chung tên: Nguyễn Trần Hữu N - sinh ngày 20/10/2005; Nguyễn Trần Ngọc P - sinh ngày 11/05/2007; Nguyễn Trần Hằng N - sinh ngày 03/06/2012 và Nguyễn

Trần Bảo N - sinh ngày 13/03/2018. Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 04 con chung. Anh X cấp dưỡng nuôi 04 con chung, mỗi cháu 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 25/10/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Xuân L thỏa thuận tự nguyện chịu **150.000đ** (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và **150.000đ** *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0003676 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên. Chị L đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh PY;
- VKSND H. Tuy An;
- Chi cục THADS H. A;
- UBND xã D, h. A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Thị Xuân Hương